

## Văn mẫu lớp 10

### *Thuyết minh về Hoàng Đức Lương và tựa Trích diễm thi tập*

#### BÀI LÀM

Nói đến Hoàng Đức Lương là phải nói đến bộ sách Trích diễm thi tập. Bộ sách khép lại cả một thời kỳ dài sưu tập thơ văn Lý - Trần từ Phan Phu Tiên với Việt âm thi tập đến Dương Đức Nhan với Tinh tuyển chư gia luật thi. Ý nghĩa của Trích diễm thi tập xưa nay từng được đánh giá rất cao, ở chỗ sau chính sách hủy diệt văn hóa tàn khốc của nhà Minh hồi đầu thế kỷ XV, thì đến thập niên cuối thế kỷ, Hoàng Đức Lương đã có công tìm kiếm, lưu chép cho hậu thế đến 15 cuốn (trên thực tế chỉ còn 6 cuốn) về thi ca các triều đại trước Lê sơ. Sau này nhiều nhà sưu tầm, nghiên cứu khác từ cổ đến cận, hiện và đương đại cũng đã phải dựa vào đó rất nhiều để tiếp tục bồi đắp vốn văn chương cổ. Do đó, ngoài ý nghĩa văn học sử, Trích diễm thi tập còn có ý nghĩa to lớn đối với văn hóa, văn hiến nước nhà.

Trước hết, tác giả nêu bật được một quan niệm về thơ bằng cách dùng hình ảnh so sánh thú vị: “Đối với thơ ca, người xưa thường ví với nem chả, hoặc ví với

gắm vóc. Nem chả là vị rất ngon ở đời, ngắm vóc là màu rất đẹp ở đời. Phàm người có miệng, có mắt, ai cũng quý trọng, mà không vứt bỏ khinh thường. Có điều là: sắc đẹp của thơ lại ở ngoài mọi sắc đẹp, mắt thường không thấy được; cũng vậy, vị ngon của thơ lại ở ngoài mọi vị ngon, miệng thường không nếm thấy. Chỉ có thi nhân mới có thể thấy được sắc đẹp đó, nếm được vị ngon đó”.

Như thế Hoàng Đức Lương cho rằng thơ là phải đẹp, mà phải “ở ngoài mọi sắc đẹp”, nghĩa là cái đẹp thông thường theo quan niệm của người đời là không thể so được.. Vậy, vẻ đẹp của thơ phải là vẻ đẹp mang tính vĩnh cửu, nó không bị biến chất, không bị mọi thứ tư duy thông thường xâm thực. Thơ không theo quy luật chung của cái đẹp thông thường. Thơ đã thế, người làm ra thơ cũng là loại người đặc biệt khác thường mới có thể “thấy” và “nếm” được thơ. Ở đây, theo quan niệm của Hoàng Đức Lương thì thi nhân vừa là người sáng tác, vừa là người thưởng thức, phê bình. Quan niệm như thế nên khi làm sách Hoàng Đức

Lương chỉ Trích diễm, tức là chỉ chọn lựa cái hay, cái đẹp. Xem qua có vẻ như tác giả đã “tuyệt đối hóa” vai trò của thơ và của thi nhân, nhưng ngẫm kỹ thì dường như ông đã có lý. Thơ đối với cổ nhân đúng là một địa hạt đặc biệt, sau này Ngô Thì Sĩ cũng cho rằng kẻ phàm không vào thơ được. Hơn nữa, quan niệm của Hoàng Đức Lương còn tiến một bước xa trên con đường nhận thức thơ. Khi viết Tựa cho Việt âm thi tập vào năm 1433,

Nhưng rõ ràng, cạnh việc nói chí thì thơ bao giờ cũng là địa hạt của xúc cảm thâm mỹ, của cái đẹp. Có thể Hoàng Đức Lương còn đi xa hơn cả quan niệm của chúng ta hiện nay khi ông cho rằng cái đẹp của thơ còn “ở ngoài mọi sắc đẹp” như đã nói trên.

Tiếp theo, bài Tựa còn đưa ra quan niệm về sự tiếp nhận, lưu truyền văn học, về thi học và phần nào là vấn đề tự do văn học. Sự tiếp nhận văn học, nói như ngôn từ hiện nay, thì ở người xưa là việc thẩm bình, cái mà tác giả đã gọi là nếm và

thấy. Tức là yêu cầu người tiếp nhận phải có cả năng khiếu và năng lực, cũng có ý chỉ người tiếp nhận phải ở một trình độ cao, phải có một tầm đón nhận tương xứng. Biết sáng tác thơ và hiểu thơ là khó, nhưng tác giả vẫn muốn công việc sưu tập của mình “cốt được truyền bá rộng” di sản thơ Lý - Trần. Hẳn là có khao khát muốn bồi bổ, nâng cao năng lực tư duy, năng lực thẩm mỹ cho các thế hệ người đọc bằng thơ. Khái niệm thi học mà Hoàng Đức Lương dùng có ý chỉ cách học, phép làm thơ, nhưng cũng có thể hiểu là việc nghiên cứu tìm hiểu thi ca (Đức Lương thi học duy thị Đường chi bách gia - Thi học của Đức Lương tôi, duy chỉ dựa vào các thi gia đời Đường). Lê Quý Đôn rất tinh tường khi nói về Hoàng Đức Lương là người cực thích thi học (“khốc hiểu thi học”). Do đó, có thể thấy ngay từ thế kỷ XV, Hoàng Đức Lương đã nói đến vấn đề thi học, một trong những vấn đề cốt tử của thi ca.

Khái niệm thi học bấy giờ nghĩa có thể chưa rộng như ngày nay, nhưng quả là cái gốc rễ thì đã thấy rõ. Bài Tựa cũng nêu ra một thực tế: “Qua sách vở thời Lý - Trần truyền lại đến ngày nay, chỉ thấy sách nhà chùa là nhiều.

Thật ra, đâu có phải vì các nhà Nho học không giỏi bằng các nhà Phật học. Mà chính là trong nhà chùa không có sự cấm đoán in sách, cho nên mới có bản khắc truyền về sau.

Còn thơ ca của các nhà Nho nếu như chưa được nhà vua cho phép, thì không được in ra để lưu hành” (4). Đó là sự chặt chẽ và lễ luật quá nghiêm khắc đương thời.

Toàn bộ thơ văn phải qua tay kiểm duyệt của một ông vua. Mặc dù nhà vua có cả một đội ngũ để giúp việc, nhưng việc “dắt bò qua cổ chai” đó đã khiến thơ văn mất hẳn sinh sắc. Người sáng tác lúc nào cũng nơm nớp húy phạm, nơm

nóp câu chuyện “văn tự ngục”.